

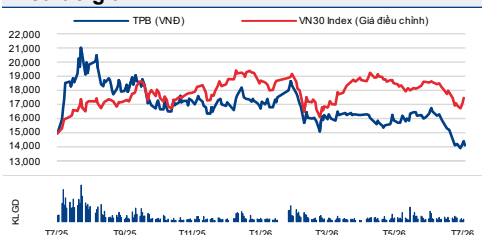
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ19,800
Tiềm năng tăng/giảm: 40.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	14,100
Mã Bloomberg	TPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,900-21,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,110
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	39,113
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,487
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,774
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	832
Slg CP NN được mua (tr.đv)	173
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.8%
Tỷ lệ freefloat	54.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Doji (6.97%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	505,872	553,948	618,687
Dư nợ cho vay (ntđ)	306,922	352,805	405,570
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	18,978	21,179	24,161
Lợi nhuận thuần (ntđ)	7,380	7,924	8,922
BVPS (đồng)	15,242	17,599	20,315
EPS (đồng)	2,660	2,856	3,216
DPS (đồng)	1,000	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	22.2	14.9	15.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	5.21	11.6	14.1
Tăng trưởng EPS (%)	15.7	7.38	12.6
Tăng trưởng DPS (%)	100	(50.0)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	37.6	17.5	15.5
ROAE (%)	18.5	17.4	17.0
ROAA (%)	1.60	1.50	1.52
Tỷ lệ NIM (%)	3.18	3.02	3.11
Tỷ lệ CIR (%)	34.6	35.0	34.7
Hệ số CAR (%)	14.3	13.0	12.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.28	1.69	1.50
LLR/nợ xấu (%)	92.7	100	106
Hệ số LDR (%)	110	115	113
P/B (lần)	0.93	0.80	0.69
P/E (lần)	5.30	4.94	4.38
Lợi suất cổ tức (%)	7.09	3.55	3.55

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập vào năm 2008, TPB được thừa hưởng thế mạnh một cơ cấu cổ đông đặc biệt, bao gồm nhiều tập đoàn, công ty hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.pham@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q2/2026: LNTT tăng 17% so với cùng kỳ nhờ chi phí dự phòng giảm

- TPB đã công bố LNTT Q2/2026 đạt 2,4 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ và cao hơn dự báo. Theo đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ), hoàn thành 45% dự báo cả năm 2026 và cao hơn một chút so với dự báo 6 tháng của chúng tôi nhờ chi phí dự phòng thấp hơn kỳ vọng.
- Tăng trưởng tín dụng tăng mạnh 10% kể từ đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM phục hồi nhẹ 5 điểm cơ bản so với quý trước. Chất lượng tài sản cải thiện với tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ nhóm 2 đều giảm, cũng như không ghi nhận nợ xấu mới hình thành, tuy nhiên các khoản phải thu khác vẫn ở mức cao.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 13% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 ở mức hấp dẫn là 0,8 lần, thấp hơn 39% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 vào ngày 30/7/2026

LNTT Q2/2026 đạt 2,4 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ và cao hơn dự báo của chúng tôi. Động lực tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu nhờ chi phí dự phòng giảm 6% so với cùng kỳ, trong khi tổng thu nhập hoạt động tăng 13% so với cùng kỳ.

Tính chung, LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ, hoàn thành 45% dự báo cả năm của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026 và các chỉ số quan trọng, TPB

LNTT Q2 đạt 2,4 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ và cao hơn kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ chi phí dự phòng thấp hơn dự kiến

(Tỷ đồng)	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,151	3,634	15%	6,535	7,094	9%	48%
Thu nhập ngoài lãi	1,464	1,561	7%	2,563	3,001	17%	47%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	989	1,132	14%	1,899	2,384	26%	50%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	369	250	-32%	351	220	-37%	32%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	0	-5		102	-58	-157%	-19%
Thu nhập khác	106	184	73%	211	454	115%	73%
Tổng thu nhập HĐ	4,616	5,195	13%	9,098	10,094	11%	48%
Chi phí HĐ	-1,754	-2,043	17%	-3,638	-4,290	18%	58%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	2,862	3,152	10%	5,461	5,804	6%	42%
Chi phí dự phòng	-825	-774	-6%	-1,314	-1,321	1%	34%
LNTT	2,037	2,377	17%	4,146	4,483	8%	45%
Thu nhập thuần	1,630	1,954	20%	3,316	3,620	9%	46%
Các chỉ số quan trọng							Ghi chú
Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm	12.3%	10.0%	-2.2 điểm %	Tăng trưởng tín dụng cao hơn mức bình quân, nhưng tăng trưởng huy động có độ trễ			
Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm của Ngân hàng mẹ	12.2%	9.5%	-2.8 điểm %				
Tỷ lệ NIM	3.2%	2.9%	-31 điểm cơ bản	Tỷ lệ NIM tăng nhẹ 5 điểm cơ bản so với quý trước, thấp hơn so với các NHTM khác			
Tỷ lệ nợ xấu	2.0%	1.9%	-0.2 điểm %	Tỷ lệ nợ quá hạn báo cáo cải thiện			
Tỷ lệ nợ nhóm 2	1.8%	1.9%	0.1 điểm %				

Nguồn: TPB, HSC

Tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh hơn tăng trưởng huy động

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc lên 10% kể từ đầu năm (tăng 7,4% so với quý trước). Tại Ngân hàng mẹ, dư nợ tín dụng tăng 9,5% kể từ đầu năm (tăng 6,7% so với quý trước), cao hơn bình quân ngành. Đối với CTCK con TPS (ORS, Chưa khuyến nghị), dư nợ cho vay kỳ quỹ tăng 29,1% kể từ đầu năm, trong khi giá trị TPDN nắm giữ tăng gấp đôi so với mức nền thấp tại thời điểm cuối năm 2025.

Cho vay khách hàng doanh nghiệp vẫn là động lực tăng trưởng chính, tăng 16,1% kể từ đầu năm nhờ đẩy mạnh cho vay các chủ đầu tư BĐS (tăng 54,5%), trong khi cho vay bán lẻ chỉ tăng 3,4% kể từ đầu năm.

Tăng trưởng huy động chậm hơn đáng kể, chỉ tăng 1,4% kể từ đầu năm (tăng 4,9% so với quý trước). Kể từ đầu năm, tiền gửi khách hàng tăng 3,4% trong khi giấy tờ có giá giảm 7,9%, tương đương hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 100% từ 93% tại thời điểm cuối năm 2025.

Tỷ lệ NIM phục hồi nhẹ, sát với dự báo

Tỷ lệ NIM tăng 5 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,88%, mặc dù vẫn giảm 31 điểm cơ bản so với cùng kỳ, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi. Sự cải thiện này phản ánh hệ số LDR cao hơn và việc tiếp tục điều chỉnh lãi suất cho vay, với lợi suất gộp tăng 84 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 96 điểm cơ bản so với cùng kỳ) so với chi phí huy động tăng 80 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 122 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Tuy nhiên, tỷ lệ NIM phục hồi vẫn khiêm tốn so với các NHTM tư nhân khác (mở rộng khoảng 17 điểm cơ bản so với quý trước).

Chất lượng tài sản cải thiện nhưng vẫn cần thận trọng

Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu mới hình thành và tỷ lệ bao phủ nợ xấu đều cải thiện đáng kể so với quý trước. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,9% từ 2,2% trong Q1/2026, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 1,9% từ 2,4%. Đáng chú ý, nợ xấu mới hình thành gần như bằng 0, cho thấy Ngân hàng không có nợ xấu mới phát sinh trong quý. Cùng với đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR phục hồi lên 67% từ 59% trong quý trước.

Nhờ chất lượng tài sản cải thiện, chi phí dự phòng giảm 6% so với cùng kỳ trong Q2/2026 và nhìn chung đi ngang trong 6 tháng đầu năm 2026, chỉ bằng 34% dự báo chi phí dự phòng cả năm và thấp hơn dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Các khoản phải thu tồn đọng của ORS giảm mạnh xuống 2,2 nghìn tỷ đồng, từ 5,5 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026 (giảm 60%) và từ 3,2 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2025 (giảm 31%). Tuy nhiên, các khoản phải thu khác - Ngân hàng không công bố chi tiết - gần như đi ngang so với quý trước ở mức 21,6 nghìn tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với cuối năm 2025 và tương đương 3,9% tổng tài sản. Mặc dù những số dư này có thể không liên quan đến các khoản mục tồn đọng của ORS, chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi khoản mục này để đánh giá nhu cầu trích lập dự phòng bổ sung trong tương lai.

Thu nhập ngoài lãi ghi nhận kết quả trái chiều

Thu nhập ngoài lãi tăng 7% so với cùng kỳ, phản ánh các xu hướng trái chiều. Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng vừa phải 14% so với cùng kỳ, trong khi thu nhập từ thu hồi nợ xấu tăng 45% so với mức nền thấp cùng kỳ, mặc dù chỉ đóng góp hạn chế vào lợi nhuận. Trong khi đó, thu nhập từ HĐKD nguồn vốn suy yếu với lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 32% so với cùng kỳ và HĐ mua bán trái phiếu lỗ nhẹ 5 tỷ đồng, so với hòa vốn cùng kỳ năm trước.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào

Sau khi giá cổ phiếu giảm 13% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 ở mức hấp dẫn là 0,8 lần, thấp hơn 39% so với bình quân

nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần với hệ số ROE dự phóng năm 2026 tương đương (17,4% so với 17,1%). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho TPB.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	25,948	30,747	38,886	44,280	48,583
Chi phí lãi	(13,042)	(17,379)	(24,091)	(27,087)	(29,432)
Thu nhập lãi thuần	12,905	13,368	14,795	17,193	19,151
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,364	4,158	4,768	5,352	6,154
Lãi thuần HĐ KDNH	319	694	694	694	694
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1,096	168	300	300	400
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.04	128	22.5	22.0	22.0
Thu nhập khác	354	462	600	600	500
Tổng thu nhập HĐ	18,037	18,978	21,179	24,161	26,921
Chi phí HĐ	(6,278)	(6,573)	(7,403)	(8,392)	(9,529)
LN trước dự phòng	11,759	12,404	13,776	15,768	17,392
Chi phí dự phòng	(4,159)	(3,201)	(3,871)	(4,616)	(4,527)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	7,600	9,203	9,905	11,153	12,865
Chi phí thuế TNDN	(1,526)	(1,823)	(1,981)	(2,231)	(2,573)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,074	7,380	7,924	8,922	10,292
EPS (đồng)	2,299	2,660	2,856	3,216	3,710
DPS (đồng)	500	1,000	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,642	2,774	2,774	2,774	2,774
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,642	2,774	2,774	2,774	2,774
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,642	2,774	2,774	2,774	2,774

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,293	1,705	1,253	1,299	2,134
Tiền gửi tại NHNN	22,708	20,460	11,664	14,366	13,216
Tiền gửi tại các TCTD khác	70,521	103,388	108,558	113,986	119,685
Chứng khoán kinh doanh	0	2,098	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	333	333	333	333
Số dư cho vay thuần	248,005	303,272	346,806	399,114	456,300
Tổng dư nợ cho vay	251,104	306,922	352,805	405,570	462,203
Dự phòng rủi ro	(3,098)	(3,649)	(5,999)	(6,456)	(5,903)
Chứng khoán đầu tư	59,472	51,614	59,220	67,139	76,145
CK đầu tư sẵn sàng để bán	59,549	52,051	59,701	67,620	76,625
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	44.7	1.00	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(122)	(438)	(481)	(481)	(481)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,222	1,213	1,273	1,337	1,404
Tài sản khác	14,807	21,789	24,839	21,113	17,946
Tổng tài sản	418,028	505,872	553,948	618,687	687,163
Nợ phải trả	380,432	459,853	501,392	558,596	618,168
Tiền gửi của NHNN	238	1,642	1,970	2,364	2,837
Tiền gửi của các TCTD khác	94,514	112,055	125,502	124,247	123,004
Tổng tiền gửi KH	242,806	279,050	306,955	359,138	413,008
Trái phiếu và CCTG	36,633	58,825	58,825	64,708	71,178
Nợ khác	6,016	8,140	8,140	8,140	8,140
Vốn chủ sở hữu	37,596	42,284	48,820	56,355	65,260
Vốn điều lệ	26,420	27,740	27,741	27,741	27,741
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	7,455	9,607	14,956	21,152	28,513
Quỹ & vốn khác của CSH	3,722	4,936	6,124	7,462	9,006
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	3,735	3,735	3,735	3,735
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	418,028	505,872	553,948	618,687	687,163
BVPS (đồng)	14,230	15,242	17,599	20,315	23,525

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	17.2	21.0	9.50	11.7	11.1
Tăng trưởng cho vay KH (%)	22.3	22.2	14.9	15.0	14.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.6	14.9	10.0	17.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	20.2	20.9	8.26	15.9	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	14.8	12.5	15.5	15.4	15.8
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	3.87	3.58	10.7	16.2	11.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	(6.28)	4.71	12.6	13.4	13.5
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	23.3	5.48	11.1	14.5	10.3
Tăng trưởng LNTT (%)	36.0	21.1	7.63	12.6	15.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	36.1	21.5	7.38	12.6	15.4

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.66	4.11	4.00	4.12	4.12
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.62)	(1.42)	(1.40)	(1.43)	(1.46)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	90.8	91.1	92.6	94.3	89.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.33	2.43	2.69	3.03	3.35
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	50.2	61.0	65.5	73.7	85.1

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.13	5.30	4.94	4.38	3.80
P/B (lần)	0.99	0.93	0.80	0.69	0.60
Lợi suất cổ tức (%)	3.55	7.09	3.55	3.55	3.55

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	33.7	38.9	37.4	36.9	38.2
ROAA (%)	1.57	1.60	1.50	1.52	1.58
ROAE (%)	17.3	18.5	17.4	17.0	16.9
Chi phí huy động BQ (%)	3.78	4.21	5.10	5.19	5.07
Lợi suất góp BQ (%)	7.38	7.31	7.93	8.01	8.33
Lợi suất thuần (%)	3.61	3.10	2.83	2.82	3.26
Tỷ lệ NIM (%)	3.67	3.18	3.02	3.11	3.28
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	18.6	21.9	22.5	22.2	22.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	71.5	70.4	69.9	71.2	71.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.80	7.65	7.63	6.69	6.00
Tỷ lệ CIR (%)	34.8	34.6	35.0	34.7	35.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.7	37.6	17.5	15.5	13.5

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.2	14.3	13.0	12.8	12.7
VCSH/Tổng TS (%)	8.99	8.36	8.81	9.11	9.50
Đòn bẩy vốn (lần)	11.1	12.0	11.3	11.0	10.5

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.51	1.28	1.69	1.50	1.14
Hệ số LLR (%)	81.5	92.7	100	106	112

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	103	110	115	113	112
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	25.3	24.9	25.5	22.7	20.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	60.1	60.7	63.7	65.6	67.3

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	121	121	121	121	121
Số lượng nhân viên	7,732	7,810	7,888	7,967	8,046

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn